

Chuyên Đề: " ĐẠO SỬ "
(HDV: HT. Mai Văn Tím)

Bài số 7:

**THỜI KỲ ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG
THƯỢNG TRUNG NHỰT
(Tiếp theo)**

*Soạn theo Đại Đạo Sử Cương - Q. II và Đại Đạo Bí Sử (Của HT. Trần Văn Rạng)

* * *

PHẦN I- NHỮNG TRỞ NGẠI TRÊN ĐƯỜNG HÀNH ĐẠO.

I- CÁC CƠN KHẢO DƯỢT ĐỐI VỚI ĐỨC NGÀI.

Ngay trong ngày Khai Đạo đã xảy ra biến cố tà quái hàm ý tham vọng chức phẩm. Việc đó đeo đẳng suốt đời hành Đạo của Đức Q. Giáo Tông. Thêm vào đó, tính tình khảng khái, thẳng thắn và cương quyết của Ngài trong lúc hành Đạo đã chạm đến nhiều vị Chức sắc, khiến họ không bằng lòng.

Nhưng nếu không có sự kiên quyết xây dựng nền Đạo của Đức Ngài thì chẳng có "**Tờ Khai Tịch Đạo**" (23-8-Bính Dần) và cũng chẳng có "**Ngày Khai Đại Đạo**" tại Gò Kén (15-10-Bính Dần).

Mặt khác, nếu Đức Ngài không quyết tâm xây dựng Toà Thánh bằng vật liệu nặng thì đâu có Toà Thánh Tây Ninh hiện nay, dù Ngài chỉ cho đào móng đặt viên đá đầu tiên xây nền Bát Quái Đài. Đức Ngài sợ lỗi vì lời hứa với Ông Trên nên quyết tâm làm nền Đạo ra thiết tướng mà đụng chạm đến nhiều Chức sắc.

A- CƠN KHẢO DƯỢT LẦN THỨ NHỨT: "**Hội Vạn Linh**" ngày 19- 5- Quý Dậu (DL.11- 06 - 1933)

1)- NGUYÊN NHÂN: Các nguyên nhân chính đưa đến cuộc "**Hội Vạn Linh**" (1) nhằm xét lại các hành vi của Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt có thể kể như sau:

(1) Đây không phải là Ba Hội (Gồm Hội Nhơn Sanh, Hội Thánh, Thượng Hội)

của “Quyền Vạn Linh” (Tức Quyền Lập Pháp) theo như trong quyền Chánh Trị Đạo của Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa” (Hội Thánh tái bản năm Giáp Dần - 1974)

a- Tòa Tam Giáo lần thứ nhất:

Do Đức Quyền Giáo Tông mở vào ngày mồng 1-12-Canh Ngọ (1930) do **chính Ngài ngồi ghế Chánh Toà đã xử tội các Chức sắc phạm pháp theo Thập Hình của Đức Lý Giáo Tông.** Trong đó có Phối Sư Thái Ca Thanh, một số Thờ Quân và các Chức sắc ở Thánh Thất Cầu Kho.

b- Tòa Tam Giáo lần thứ hai:

Ngày 15-7-Tân Tỵ (28-8-1931), Đức Quyền Giáo Tông mở Tòa Tam Giáo lần thứ hai mở ra xử **vị Chương Pháp Trần Đạo Quang (Phải ăn năn sám hối), Phối Sư Thái Ca Thanh** (Ngưng chức 1 năm) và nhiều chức sắc khác... Đó là cái mầm oán hờn đã gieo xuống, chờ ngày lãnh hậu quả của nó.

c- Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp ký ban hành Châu Tri số 1.

Cái “Mầm oán hờn” đủ lớn khi Đức Q. Giáo Tông và Đức Hộ Pháp dùng quyền Chí Tôn tại thế đồng ký tên ban hành Châu Tri số 1 vào ngày 5-3-Quý Dậu (1-4-1933).

Phần đầu Châu Tri số 1 như sau:

CHÂU TRI SỐ 1 **ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ** (Đệ bát niên)

CHÂU TRI

- 1- Cho chư Thiên Phong,
- 2- Chư vị Đầu Họ Đạo,
- 3- Chư vị Chủ Thánh Thất,
- 4- Và chư vị Đạo hữu lương Phái,

Chư Hiền Huỳnh, Hiền Tỉ, Hiền Muội,

Chiếu theo Thánh Giáo của Đức Chí Tôn ngày 14 Février 1933,
Chiếu theo Thánh Giáo của Đức Lý Giáo Tông ngày 1er Janvier 1933 và ngày 10 Mars 1933,
Chiếu theo những điều của Thượng Hội quyết định ngày 25 Décembre 1932,

Việc chính trị của nền Đạo đã sắp đặt lại từ 12 Mars 1933 (17 tháng Hai, Quý Dậu) như sau này:

- **Điều thứ nhất:** Thượng Đầu Sư Thượng Trung Nhật chỉ cầm quyền Giáo Tông mà thôi.

- **Điều thứ nhì:** Trong lúc Chưởng Pháp chưa có chính vị thì hành quyền Chưởng Pháp giao lại cho Hiệp Thiên Đài cầm. Ba vị Thời Quân cầm quyền Chưởng Pháp là vị Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, vị Bảo Thế Lê Thiện Phước và vị Hiến Đạo Phạm Văn Tươi.

- **Điều thứ ba:** Ba vị Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh và Ngọc Trang Thanh chỉ cầm quyền Quyền Đầu Sư mà thôi.

- **Điều thứ tư:** Trong lúc Chánh Phối Sư chưa có chánh vị thì quyền hành giao cho Hiệp Thiên Đài cầm. Ba vị Thời Quân cầm quyền Chánh Phối Sư là vị Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, vị Khai Đạo Phạm Tấn Đãi và vị Khai Thế Thái Văn Thâu.

Vị Khai Pháp cầm quyền Ngọc Chánh Phối Sư.
Vị Khai Đạo cầm quyền Thái Chánh Phối Sư.
Vị Khai Thế cầm quyền Thượng Chánh Phối Sư”.

.....
1)- HẬU QUẢ: (Triều tập Hội Vạn Linh)

Q. Ngọc Đầu Sư (Đầu Sư Ngọc Trang Thanh) phản ứng, triệu tập một phiên họp **“gọi là Hội Vạn Linh”** . Ông tuyên bố lý do buổi họp là để xét lại hành động của Đức Q. Giáo Tông.

Trong cái “gọi là Hội Vạn Linh”, thành phần Ban Chủ Tọa như sau:

- Nghị Trưởng: Ông Nguyễn Phan Long (Không phải là Chức sắc của Tòa Thánh, và mặc đồ Tây họp giữa Điện)

- Phó Nghị Trưởng: Ông Trương Duy Toán.

- Từ Hàn (thư ký): Ông Tuyết Tấn Thành (Giáo Hữu)

- Phó Từ Hàn: Ông Trị sự Phạm Văn Long.

Cùng với 04 vị Giáo Sư tên: Kinh, Lai, Thành, Ninh; 16 vị Giáo Hữu và khoảng 500 tín đồ ngang nhiên vào họp trong Bửu Điện (Đền Thánh Tạm)

Ông Lê Bá Trang soạn sẵn Vi Bằng xét về hành động của Đức Q. Giáo Tông qua 09 điểm.

Tờ Vi Bằng có 26 trang đánh máy khổ 21x27 độ 16000 chữ với câu kết là:

“Chư hội viên Hội Vạn Linh đồng quyết định đệ lên cho Toà Tam Giáo Thiêng Liêng định”.

Hội Nghị vừa tan, **một Đạo hữu đứng bên ngoài đọc to lên:**

Ánh vàng **Trung Nhật (1)** toả hào quang,
Đại Đạo phổ truyền khắp thế gian.
Trang Bá (2) móc moi trời tối sẫm,
Phan Long (3) trơ tráo đất phai tàn.
Nhơn sanh ngơ ngác tan đôi nẻo,
Chức sắc âu lo sợ lạt đàng.
Hội Vạn Linh này sai Luật pháp,
Tranh quyền bia miệng đến ngàn năm.

(1) Chỉ Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung.

(2) Tức Lê Bá Trang. (Đầu sư Ngọc Trang Thanh)

(3) Chỉ: Nguyễn Phan Long.

Họ lo tranh thủ về Sài Gòn, ai đâu để ý bài thơ thâm thúy đầy ý nhị ấy.

Trước đó (14-8-1931) Đức Q. Giáo Tông ban hành Châu Tri có đoạn viết rất khiêm tốn và chính xác. Nhưng người ta cố ý hiểu ngược lại. Mọi việc do Q. Ngọc Đầu Sư bày ra. . . .

Sợ Đạo loạn sanh ra biến đổi khó lường, ngày 26-12-1933 bà Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh đứng trung gian mời Đức Q. Giáo Tông và Ngài Ngọc Trang Thanh họp mặt tại Nữ Chánh Phối Sư đường.

Hôm sau, Ngọc Trang Thanh và Giáo Tông Đường thảo tờ Hoà Hợp. Liên đó, Đức Q. Giáo Tông vì nền Đạo trên hết ký tờ Bối Cáo số 150.

Tờ Bối Cáo của Đức Q. Giáo Tông là hành động cao thượng nhường bước cho đàn em gánh vác việc Đạo.

Thế nên, **ngày 14-1-1934, Đức Chí Tôn tỏ lòng mừng giảng dạy:**

“Thầy đến chứng kiến lòng thành thật của các con Chức Sắc HTĐ . . .
Hộ Pháp, nói với Trung rằng Thầy đã biết tình cảnh Đạo ra sao và bởi đâu.
Nó nên an tâm tin tưởng nơi hành động của mấy em nó. Thầy sẽ làm cho rõ cơ
huyền diệu của Đạo.

Thầy chỉ khuyên các con nên giữ mình về một mối thử thách kề cận đây nữa”

Đức Chí Tôn đã tiên tri một thử thách nữa kề cận và sau đó cơn khảo duyệt

lần hai đã đến.

2)- KHẢO DƯỢT LẦN THỨ HAI (1934)

Xin nhắc lại trong Vi Bằng Hội Vạn Linh do Ngài Ngọc Trang Thanh triệu tập, trong lời bế mạc, ông Nghị Trưởng mặc đồ tây Nguyễn Phan Long tỏ bày như sau:

“Tôi xin lập lại một lần nữa (Nghĩa là đã có nhiều lần) cho chư Đạo hữu nhớ rằng trong chín (09) khoản buộc tội (Thượng Trung Nhứt) chỉ có khoản thứ sáu là hệ trọng hơn hết (Tức khoản tiền bạc)”

Thực vậy, **người ta xúi giục đạo hữu Nguyễn Ngọc Lịch và một ít người nữa kiện Đức Q. Giáo Tông ra Tòa đời**. Thật buồn cười, Sở Tuần Cảnh Tây Ninh đem án phạt vào Giáo Tông Đường mời Đức Ngài ra Tây Ninh chịu ngồi khám vào ngày 20-2-1934 vì tội 34 Đạo hữu thiếu thuế và hai người Đạo hữu đánh xe bò của Hội Thánh về tội đi xe bò không đốt đèn và bò lại thiếu sợi dây buộc ách.

Đức Q. Giáo Tông chỉ bị an trí tại Tòa 48 giờ mà thôi. Vì hôm sau có vía Đức Phật Thích Ca, Chính quyền Pháp sợ giáo dân biểu tình đòi thả Đức Q. Giáo Tông.

Dân bàn với nhau: Đức Phật độ Ngài.

Tại Lễ Vía, Đức Q. Giáo Tông thuyết giáo rằng:

“Một mảnh thân phàm cô thân bạc nhược này, yếu ớt hèn mọn này, có đủ tài đức chi mà Đại Từ Phụ lại tin giao một cái giang san sự nghiệp của toàn hơn loại hoàn cầu đặt cho gánh vác? . .

Đời có thanh có suy
Đạo động tịnh chuyển xây
Lửa thử vàng, gian nan thử Đạo.

Ngày nay, bão tố đã qua rồi, Tệ huynh nhìn thấy mấy em đã bị bao phen khảo đảo thăm khổ vô cùng, mà mấy em cũng ngồi vững trong Thuyền Bát Nhã của Thầy. Tệ huynh hết sức vui mừng nên nguyện rằng sẽ đem hết dạ yêu thương mà dìu dắt mấy em về cùng Thầy”

Đó là Đức Q. Giáo Tông phản tỉnh về cơn khảo vừa qua mà đời hành Đạo coi như trên đường đi gặp nhiều Quỷ vương thử thách. Còn đối với nhà cầm quyền Pháp, Đức Ngài đã từng đối mặt, từ chức Hội Đồng để chống thuế “**Lục Hạng điền**”, dám đưa **Tờ Khai Tịch Đạo mà không đợi nhà cầm quyền Pháp cho**

phép, vẫn hành Đạo.

Chủ Tỉnh vài nơi ra lệnh triệt hạ Thánh Tượng, Đức Ngài phản đối quyết liệt, đòi tự do tín ngưỡng mà Chính Phủ Thuộc địa đã ban cho xứ bảo hộ. Bấy giờ, Ngài không muốn nói chuyện với Chủ Tỉnh Tây Ninh vì Ngài cho Tỉnh và Tòa án thỏa thuận ngầm để Ngài bị câu lưu 48 giờ nhằm xoa dịu phe đối lập với Đức Ngài.

Đức Ngài gọi thơ thẳng qua nước Pháp cho thủ tướng nước Cộng hoà Pháp trả Bắc Đẩu Bội Tinh với lời lẽ:

“Vừa qua, ngày 22-2 có 34 Đạo hữu của tôi thiếu thuế mà Chính Phủ lại bắt tôi bỏ tù. Ông già 60 tuổi có Bắc Đẩu Bội Tinh vô cớ bị ngồi tù hơn hai ngày tại khám Tây Ninh với Médaille điều và giấy chứng nhận của Viện Bửu Tinh.

Vậy cái Médaille cao quý kia có giá trị gì? Lỗi ấy do Chính Phủ Pháp không biết chọn người xứng đáng. Kể từ đây, tôi không nhận cái danh dự ấy nữa, dấu có cao trọng thế nào ...”

PHẦN II- NHỮNG KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI PHÁP.

1/- Cao Đài khai Đạo dưới thời Toàn Quyền A. Varenne (1925-1928): Ông này chủ trương “Pháp Việt đề huề, nên thỉnh thoảng ta nghe Đức Q. Giáo Tông nhắc tới hai tiêu ngữ này.

2/- Thời P. Pasquier (1928-1934):

Sau đó Pháp thay đổi chính sách bổ nhiệm P. Pasquier sang Việt Nam. Ông này dùng chính sách cai trị đàn áp khắt khe đối với các Đảng phái và Tôn giáo

Ngày 3-9-1931 tờ La Griffe số 36 và các số kế tiếpTờ báo này đã kích việc thành lập tổ chức “**Kiên Biên Phật Giáo Nghiên Cứu Viện**” do Nghị Định ngày 25-1-1930 của Toàn Quyền P. Pasquier có mục đích phổ biến Phật Giáo tiểu thừa khắp Đông Dương.

Báo này tố cáo ngay ông P. Pasquier có tham vọng làm Giáo chủ Phật Giáo để chống lại Giáo Tông Lê Văn Trung, người đang nắm quyền Đạo Cao Đài

Toàn Quyền P. Pasquier nghiên cứu rất kỹ về giáo lý Cao Đài, biết Đức Thượng Đế đã dạy ông Lê Văn Trung “**Sống chết do nơi Thầy**” . Thế nên, ông làm sẵn bom nổ chậm ép trong đôi bạch lạp, chế làm sao vừa dứt bài Ngọc Hoàng Kinh là bom nổ bùm cho ông Lê Văn Trung bị chết vì Thượng Đế muốn rước về chớ không phải Mật thám Pháp giết. Đức Thượng Đế đâu để P. Pasquier lộng hành như vậy.

Khi nhận đôi bạch lập, nhiều vị Chức sắc khuyên Đức Q. Giáo Tông không nên đốt vì Đức Q. Giáo Tông quý chứng Đền gần kề đôi đèn sáp. Đức Q. Giáo Tông cũng nhắc lại lời Đức Chí Tôn dạy “Sống chết do nơi Thầy” nhất định đốt trong ngày lễ Vía Đức Chí Tôn và chính Ngài quý chứng lễ.

Đôi đèn cháy sáng đều, sắp dứt bài Ngọc Hoàng Kinh thì nghe tiếng xì lớn khói phủ đại điện. Đức Q. Giáo Tông ra lệnh cho cuộc Lễ vẫn tiếp tục như không có điều gì xảy ra.

Thua keo này bày keo khác, P. Pasquier dùng thủ đoạn mua chuộc một số tay viết bán rẻ lương tâm, chạy theo danh lợi, không ngần ngại viết sách báo vu khống, nói xấu Đạo Cao Đài như quyển “**Cái án Cao Đài**” chẳng hạn.

Họ cố ý chụp mũ một số chức sắc Cao Đài làm chánh trị bằng cách gom góp một số tài liệu rồi phóng đại lên hồ sơ Hội kín.

P. Pasquier ra lệnh cho bọn Mật thám Pháp tìm đủ phương cách chụp hình các buổi nhóm họp, các Đoàn lễ, dịch các danh từ Đạo như Thượng Hội ra Thượng Nghị Viện, Hội Nhơn Sanh ra Hạ nghị Viện

Số hồ sơ này được P. Pasquier đem về trình với Chánh phủ Pháp. Chẳng may chiếc phi cơ chở vợ chồng P. Pasquier gần tới phi trường thì bị cháy trên không. Các tài liệu vu khống cũng cháy luôn.

Ngày xưa, Đức Thanh Sơn đã tiên tri:

“Lửa đâu mà cháy tám gà trên mây”
(**Tám gà dịch sang chữ Hán là bát kê** tức Pasquier)

Ít lâu sau, P. Pasquier giáng Cơ tỏ về hồi tiếc về việc làm hại Đạo:

“Oh, Salve Haute Âme,
Vương bà bửu ngôi thị ngục hình,
Thiên lao như thử tặc công khanh.
Đồ lưu pháp phối cầm dân mạng,
Áo mào cân đai thị tử thành.
Ôi nha lại! Cũng vì mi mà làm cho ta bịt mắt trái tai – Pierre Pasquier”

3/- Thời Ông Robin (1934-1936).

Sau khi Pasquier chết thì Robin được cử sang thay làm Toàn Quyền tiếp tục đường lối cai trị của Pasquier để củng cố Chế độ Thuộc địa.

Tuy nhiên, để xoa dịu Đức Q. Giáo Tông, Robin tổ chức cuộc gặp Đức Ngài

để điều đình việc “**Tự Do tín ngưỡng**” của Đạo Cao Đài.
Không khí lắng dịu cho đến lúc Đức Ngài qua đời.

4/- Sự giám sát trực tiếp của các Thống Đốc Nam Kỳ.

Lúc khai Tịch Đạo là Thống đốc Le Fol, kế B. Brosse. Thánh Giáo giáng ngày 8-3-1927, Đức Cao Đài dạy Ông Lê Văn Trung phải bày tỏ với Ông này là Đạo chỉ thờ kính Trời Phật chứ không có làm chính trị. Nhưng Mật thám Pháp vẫn đàn áp tín đồ, buộc phải dẹp Thánh Tượng.

Đức Q. Giáo Tông phải ra bố cáo để trấn an các Đạo hữu là không nên nghe lời đồn huyễn, hoặc Pháp bắt buộc Đạo dẹp Thiên Bàn. “Nếu có ai bị cưỡng quyền áp chế về việc phụng thờ Thượng Đế”, hãy báo cáo ngay cho Ngài can thiệp.

Nhà cầm quyền Pháp coi đó là hành động khinh thường và xúi giục dân chúng chống lại lệnh của Chính phủ Pháp. Thế nên, L. Perrier, Bộ trưởng Bộ Thuộc Địa làm Báo cáo số 485 gửi về Tổng Thống Pháp ngày 4-10-1927 xin sửa lại Điều 91 của Hình Luật đã được áp dụng từ ngày 6-3-1877 tại Đông Dương.

Léon Perrier cho rằng điều 91 của Luật bản xứ đã dự phòng tội mưu sát, tội mưu mô và tội gây loạn mà không đề cập đến những hành động có tính cách gây hận thù với Chính quyền Thuộc địa và kích bác dân chúng phạm luật lệ.

Johan Cendrieux trong tờ La Pêche Colonial ra ngày 15-5-1933 đã cho rằng Đạo Cao Đài đã trở thành một phong trào cứu rỗi mãnh liệt của dân chúng vì người Pháp quá tin tưởng vào việc Tây Phương hoá của họ bằng cách cho người Việt Nam quên cội nguồn cổ truyền, nhưng người dân đã tìm ra sự bù trừ khác là say mê Cơ bút, giúp cho Cao Đài trở thành Tôn giáo có ảnh hưởng lớn đối với dân chúng.

Năm 1932-1933, La Laurette, Thanh Tra Chính Trị Sự Vụ Hành Chánh Nam Kỳ và Vilmont, Chánh Tham Biện, Chủ Tỉnh Tây Ninh đã theo dõi Đức Q. Giáo Tông và Hộ Pháp rất gắt gao và được đúc kết trong tập phúc trình LE CAODAISME.

La Laurette cho rằng người ta (Cao Đài) đã lợi dụng chữ Pháp, các phương thức, cách xử thế, những tiến bộ, cùng các tổ chức xã hội và kinh tế của người Pháp không để Pháp hoá xứ Nam Kỳ mà để cho người Nam Kỳ chống lại Pháp.

Còn Vilmont thì thấy không thể dung túng Ông Lê Văn Trung nên dựa vào việc nhỏ nhặt của Tín đồ làm công quả mà phạt tù Ông.

*** Nhà cầm quyền Thực dân Pháp đàn áp Đạo Cao Đài, ta có thể nêu lên 3 lý do sau đây:**

1- Đạo mới khai, chưa đầy năm mà số Tín đồ lên tới triệu người.

Đặc biệt là người Khờ mer, đồng bào Thượng, Stiêng ở Hớn Quản, từ lâu người Pháp không thuyết phục được, nay lại đi bộ về Toà Thánh hành hương rồi định cư luôn.

2- Đạo Cao Đài bảo vệ nền văn hiến và văn hoá truyền thống dân tộc Việt Nam chống nền văn hoá ngoại lai mà Pháp đề cao là “**Cité jaune**”.

3- Hình thức tổ chức Giáo hội Đạo Cao Đài giống như một Chính Phủ, nên Pháp tố cáo Đạo Cao Đài lập một quốc gia trong một quốc gia (Un État dans un État)

Bên cạnh những người Pháp cầm quyền nghiêm khắc, **còn những người Pháp có thái độ rộng rãi đối với Đạo Cao Đài như nghị sĩ E. Outrey.** Từ trước, do sự ghi nhận không chín chắn của báo chí mà E. Outrey hiểu lầm về Đạo Cao Đài.

Đến ngày 2-2-1933 từ Paris, E. Outrey gửi cho Đức Q. Giáo Tông một bức thư bày tỏ thiện cảm với Đạo Cao Đài và hứa sẽ tận lực xin với Chính phủ Pháp cho Đạo Cao Đài được nhiều tự do. . .

Ngoài quyết tâm giúp đỡ của nghị sĩ E. Outrey, Đức Q. Giáo Tông còn được sự yểm trợ của các Trạng Sư Lortat Jacob, Eugène Tozza, Roger Lascaux hết sức biện hộ mà không nhận tiền thù lao, cho Đạo Cao Đài trước Toà án để được truyền Đạo tự do.

Riêng Bà Tozza tổ chức thuyết trình tại Hội Thông Thiên Học Pháp nói về Giáo Lý huyền nhiệm của Cao Đài Giáo. Bà cũng đã diễn thuyết tại Hội Nhân Quyền và Dân Quyền về sự Tự do tín ngưỡng ở Đông Dương.

Một ít quân nhân và công chức Pháp đã theo Đạo Cao Đài và thọ phong Chức sắc như Latapie (Giáo Sư), A. Lestrec (Giáo hữu).

Riêng ông Bellan, nguyên Khâm sứ Pháp ở Cao Miên đã nhập môn theo Đạo và trường trai như hàng Chức sắc.

Đáng kể nhất là nhà văn G. Gobron đã nghiên cứu giáo lý Đạo Cao Đài và viết quyển “Histoire et Philosophie du Caodaisme”, dưới sự bảo trợ của Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh.

Ông đã thọ phong Tiếp Dẫn Đạo Nhơn để truyền Đạo một nước và đại diện cho Đạo Cao Đài dự nhiều Hội Nghị Thông Linh Học Quốc tế. Ông còn can thiệp vào Chánh phủ Pháp để Đạo Cao Đài được hành Đạo tự do.

Theo đề nghị của Ông, Hội Thông Linh Học Quốc tế nhóm lần thứ năm tại Barcelone (Từ 1 đến 10-9-1934) yêu cầu Chánh phủ Pháp căn cứ vào những lời đã hứa vào tháng 3-1933 tại Quốc hội Pháp do Ông A. Sarraut, Bộ Trưởng Thuộc Địa, thiết lập cho Đạo Cao Đài một Qui chế rộng rãi như những người Việt Nam theo Thiên Chúa Giáo hay những Tông Phái Phật giáo trong khắp xứ Đông Dương.

Ngoài ra, còn có những nhân vật đã góp phần can thiệp cho Tự do tín ngưỡng của Đạo Cao Đài tại Đông Dương như H. Regnault, H. Guerrut (Nghị sĩ Quốc Hội Pháp), E. Kahn (Tổng Thư ký Hội Nhân Quyền) . . . và nhiều báo chí bào chữa, tường thuật đầy đủ mọi sự áp chế Đạo Cao Đài như La Libre Opinion, La Griffe, Le Progrès Civique, đều phát hành ở Pháp.

PHẦN III- VIỆC PHÂN CHIA CHI PHÁI.

I- SỰ HÌNH THÀNH CÁC CHI PHÁI.

Sau một thời gian khai Đạo, Đức Chí Tôn đã cho biết việc chia Chi, rẽ Phái qua bốn câu thơ:

Đạo Thầy nhiều nhánh các con coi
Nhánh có trái bông nhánh cụt còi.

.....
Thầy làm ra mặt các con coi!

Nhánh nào đúng Thiên Thơ, Đạo Pháp Chơn Truyền thì cành lá sum sê đơm hoa kết quả. Còn Nhánh nào tự chuyên, phạm dầy oan nghiệt trong một thời gian rồi mai một.

Ngoài ra còn có một nguyên nhân phạm trần ham quyền lẫn vị. Lại nữa thời buổi ấy mỗi đêm thường có Đàn Cơ nên số môn đệ đến Nhập môn có khi lên cả hai trăm người.

Chính quyền Pháp sợ Đạo bành trướng và lớn mạnh, trở thành một phong trào ái quốc sẽ gây khó khăn cho họ.

Họ tìm mọi cách để ly gián, khéo ngụy trang khiến cho chư tín hữu khó phân rõ chánh tà.

Việc chia rẽ Chi Phái, rạn nứt từ sau khi Đức Quyền Giáo Tông nắm quyền hành.

Khởi đầu là ông Nguyễn Văn Ca tách rời khỏi Toà Thánh Tây Ninh về lập Đạo ở Cầu Vĩ, Mỹ Tho. Về việc này, Chánh Phối Sư Ngọc Trang Thanh có ra Châu Tri số 31 ngày 22-9-Tân Mùi (01-11-1931) để dự phòng việc chia rẽ như sau:

“Ngày nay mỗi Đạo sắp phân chia vì có một phần Chức sắc và tín đồ tự quyền lập Đạo riêng ra nhiều chỗ. Toà Thánh có khuyển lớn, Toà Tam giáo có phán đoán rồi, mà cũng không ai tuân mạng lệnh. Lại cách thi thổ, cách hành Đạo của các Chức sắc ấy, nhiều khi không tuân phép nước.

Nên xin chư Hiền hữu xem xét lại cho kỹ càng rồi biên tên họ những Chức sắc nào không tuân mạng lệnh Toà Thánh, gửi về trước cho tôi trong kỳ hạn 10 ngày đặng cho Chính Phủ biết rằng các Đạo hữu ấy hết thuộc về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và tự hậu, Đạo không còn can dự chi tới việc hành động của mấy vị ấy nữa”.

Sau đó, Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh (Tức Nguyễn Ngọc Tương) gửi một Tâm thư cho Ông Nguyễn Văn Ca, đề Tây Ninh ngày 01-11-1932 lời lẽ thống thiết, kêu gọi ông Ca mau trở về Toà Thánh Tây Ninh.

“ Tôi có tiếp được xấp Thánh Ngôn Hậu Giang của Anh gửi và một cái Thơ Mời hội nơi Thánh Thất Mỹ Tho ngày 15-10 tới đây. Tôi có đọc kỹ và cũng có đọc lại các Thánh Ngôn Anh gửi mấy kỳ trước. Tôi thấy rõ một cuộc khảo, do nơi Tam Trấn để cho Tà thần mượn tên cám dỗ. Trong ba cái bịnh lớn nhất của con người là tham, sân, si. Nếu bậc cầm đuốc dẫn đường mà không trừ hết, còn một hai cũng phải vướng.

“Anh đọc kỹ các Thánh Ngôn của Cơ bút Hậu Giang từ khi ban sơ tới giờ, tôi chắc Anh cũng thấy rõ cái hư thiệt ở trong, như tôi vậy. Có một ít của Thánh Thần còn bao nhiêu đều là mưu chước của Tà thần cám dỗ.

“Thiên Phong Chức sắc nào ở Tây Ninh thiệt có tội thì bị phạt không khi nào chạy khỏi. Anh đã thấy tỏ rõ sự Anh làm trong một năm rưỡi nay đối với đạo đức thế nào, xa đạo đức bao nhiêu dậm.

“Tôi bảo kiết rằng: mấy anh em trên Toà Thánh Tây Ninh đều sẽ vui lòng mà đưa tay tiếp rước mấy anh em Hậu Giang cùng nhau tới hiệp trùng phùng để những điều rắc rối đã xảy ra cho cơ khảo của Tà thần sắp đặt.

“Sự hoà hiệp đó là một lễ hiển trang trọng hơn hết cho Thầy. Xin Anh và mấy anh em theo Anh mau mau về hiệp mà dâng lên Đại Từ Phụ, chung nhau trau dồi nền Đại Đạo lại cho tỏ rạng mà phổ thông đến ngoại bang”

Sau đó, Ông Nguyễn Ngọc Tương và ông Lê Bá Trang tách rời Toà Thánh Tây Ninh về Bến Tre lập Ban Chinh Đạo.

Hội Thánh Tây Ninh ra Đạo Nghị Định số 17 ngày 28-7-1933 không nhìn hai Ông này nữa vì Ban này canh cải bầu Chức sắc HTĐ và lập ra Tân Pháp.

Châu Tri số 6 ngày 12-6-Ất Hợi (12-7-1935), Đức Hộ Pháp có viết:

“Bản Đạo chưa hề đặng lệnh Cơ bút của Đại Từ Phụ hay là của Đức Lý định nhượng phẩm ấy cho người nào cả.

“Sự hành động mê hoặc Tín đồ của Đạo hữu Thượng Tương Thanh đều là giả dối, hướng chi sự hám vọng của người đã nảy sanh ra từ khi Đức Quyền Giáo Tông còn tại thế, chỉ cố xô ngã Thượng Trung Nhật đặng tìm phương tiếm vị.

“Bản Đạo chỉ nguyện cho Thượng Tương Thanh lấy thủ đoạn thâm phục như tâm sao cho đặng toàn hết thiên hạ, rồi Bản Đạo sẽ đem áo mão Giáo Tông ra quì trước cửa Toà Thánh đặng dâng cho Người, rồi nhìn nhận Người, nâng đỡ Người lên ngôi báu đặng làm Chúa cả toàn sanh chúng.

“Hại thay! Cái sở vọng ấy e không đắc nguyện đặng, vì dưới mắt Bản Đạo thấy, ba tay kiện tướng của người là ông Quý, ông Hậu, ông Kinh cũng còn phản người rồi đó”.

Rồi từ đó, sự phân chia ngày càng nhiều **đến năm 1940 mới đủ 12 Chi Phái như dưới đây mà Toà Thánh Tây Ninh là nguồn cội và Tổ Đình của nền Đại Đạo.**

1)- Minh Chơn Lý (1931-1935): Đặt tại Cầu Vỹ (Định Tường) do ông Nguyễn Văn Ca lập. Phái này hoạt động với sự cộng tác của phái Cầu Kho của ông Trần Đạo Quang gồm chư Chức Sắc và Đạo hữu hai miền Tiền Giang, Trung Giang và Hậu Giang như quý vị Lê Kim Ty, Nguyễn Văn Tông, Nguyễn Văn Thiệu . .

Phái Minh Chơn Lý theo đuổi ba mục đích là: Chấn chỉnh nền Đạo, lo Phở độ người vào cửa Đạo và ra Kinh sách khuyến thiện như kinh Tu Chơn Thiệp Quyết, Chánh Giáo Thánh Truyền, Chánh Tà Yếu Lý, Giác Mê Khải Ngộ. Các bài Kinh nhật tụng bằng quốc ngữ: Kinh Xưng Tụng Thầy, Mẹ, Tam Giáo.

2)- Ban Chinh Đạo: Được thành lập vào khoảng năm 1933-1934 do 3 vị Thiên Phong trước tu ở Toà Thánh Tây Ninh lập nên: Quý Ông Nguyễn Ngọc Tương, Lê Bá Trang và Nguyễn Văn Lai. Thánh Thất của phái này đặt tại làng An Hội (Thuộc Châu Thành – Kiến Hoà).

Về sau gọi là Hội Thánh Bến Tre mà Ông Nguyễn Ngọc Tương là Giáo Tông. Ông Lê Bá Trang được thăng lên Chức Chưởng Pháp.

Sau Tòa Thánh Tây Ninh, phái Bến Tre có đến mấy trăm Thánh Thất mấy trăm ngàn tín hữu. Phái này hành Đạo theo Tân Luật, Pháp Chánh Truyền và Thánh Ngôn Hiệp Tuyển như buổi ban sơ. Ông Tương nhập tịch năm 1942 và qui vị năm 1951.

3)- Tiên Thiên: Do Giáo Hữu Thượng Chín Thành lập nên.

Từ ngày khai Đạo, Ông đã theo học Đạo tại Tòa Thánh Tây Ninh. Sau Ông lập Đồng Tử riêng để cầu Cơ nên phải ra khỏi Thánh Địa.

Ông về quê nhà làng Phước Mỹ Tây, quận Cái Bè (Định Tường) lập ra phái Tiên Thiên. Ông hành Đạo theo lối riêng của Ông.

Vào khoảng năm 1932-1933 một số Chức sắc Minh Chơn Lý thích nghe Thiên cơ nên gia nhập vào phái Tiên Thiên như quý vị Lê Kim Ty, Nguyễn Văn Tông. . . .

Phái này lập Thất thập nhị tịch và ấn tống nhiều Kinh sách như: Tiếng Trống Giác Mê, Minh Giáo Thánh Truyền, Thi Văn Diệu Lý, Ngọc Minh Kinh, Diệu Minh Kinh, Bát Bộ Chơn Kinh, Thánh Đức Chơn Kinh.

Cơ bút Phái Tiên Thiên phong cho Ông Chín làm Ngọc Chưởng Pháp và chỉ định Vĩnh Nguyên Tự làm Hội quán Hiệp Thiên Đài dưới quyền chưởng quản của Ông Ngọc Lịch Nguyệt, (72) Thánh Tịch được xây dựng nhiều nơi.

Phái này chỉ phục sức toàn trắng.

4)- Thông Thiên Đài: Do quý Ông Nguyễn Văn Nhã (Bác sĩ), Lê Quang Hộ (Đốc phủ) và Quách Văn Nghĩa (Đại điền chủ) lập nên.

Ngoài ba vị ấy, còn có chín vị khác như ông Huệ Chương (Ông Thân), Ngươn Ngọc (Ông Đức), Cẩm Đình, Quảng Vân

Phái Thông Thiên Đài có liên lạc với Đức Phạm Hộ Pháp nhưng không chịu về Tòa Thánh. Thánh Thất của Phái này đặt tại Đông Sơn, tổng Hoà Đông thượng (Tỉnh Gò Công).

5)- Liên Hoà Tông Phái (hay Liên Hoà Tổng Hội): Đặt tại Thánh Thất Cầu Kho (Sài gòn) do Ông Nguyễn Phan Long và Ông Trần Văn Quế lập nên. Vì nhận thấy năm 1935 sự chia rẽ Chi phái làm tổn thương quá nhiều uy tín của nền Đạo, nên Phái này lập ra để liên hoà.

6)- Minh Chơn Đạo (Hay Cộng Đồng Hội Giáo): Đặt tại Giồng Bướm, quận Phước Long (Bạc Liêu), tên gọi là Tòa Thánh Ngọc Minh hay là Tòa Thánh Hậu

Giang. Phái này do (03) vị Đại Thiên Phong của phái Minh Chơn Lý chủ trì là quý Ông Trần Đạo Quang, Cao Triều Phát, Nguyễn Văn Thiệu.

Ông Phát thọ phong Thái Chưởng Pháp.

Sau Toà Thánh Tây Ninh, phái Minh Chơn Lý, Ban Chính Đạo, phái Tiên Thiên, phái Minh Chơn Đạo có một số Thánh Thất và nhiều Đạo hữu rải rác khắp các tỉnh miền Hậu Giang.

Phái này hành y theo Tân luật, Pháp Chánh truyền lo việc phổ độ nhơn sanh. Nhưng về sau, chuyển hướng sang thờ trái Tim và Thập Ngũ Linh Đấng.

7)- Trung Hòa Học Phái (hay Nữ Trung Hòa): Do quý Ông Phan Trường Mạnh, Trương Kế An tổ chức có tính cách thanh niên. Chú trọng vào sự học tập, hành Đạo hơn là một Chi phái có nhiệm vụ hành chánh và Phổ độ.

Ông An sau về Tòa Thánh Tây Ninh thọ phong Bảo Y Quân (1972)

Trung Hoà Học Phái đặt tại Thánh Thất Minh Đức (Kiên Giang) do bà Nữ Đầu Sư Ngọc Nhiên Hương Chưởng quản. Hiện nay đặt tại Sài Gòn.

8)- Tây Tông Vô Cực: Do Ông Nguyễn Bửu Tài lập nên trụ sở đặt tại Thánh Tịnh Tây Tông Vô Cực Cung ở làng Chệt Sây (Kiến Hoà).

Phái này cũng như phái Tiên Thiên gồm các bậc chơn tu, trường trai, tuyệt dục, ly gia, cất ái, chuyên luyện kim đơn theo lối xưa.

Sở dĩ gọi là Tây Tông để đối lại phái Đông Tông của ông Ngô Văn Chiêu từ Phú Quốc dời về Sài Gòn (Phía đông Nam phần).

9)- Tuyệt Cốc: Do hai Ông Nhuận và Ruộng (Nguyễn Ngọc Điền) trước làm công quả tại Tòa Thánh vì bất mãn điều chi đó kéo thêm một số người xuống tóc, mặc áo dài tuyệt cốc (Không ăn ngũ cốc) rồi cùng nhau vào Đại điện của Đền Thánh (Tây Ninh) lên ngồi trên bảy cái ngai trước Bát Quái Đài (Tức 1 ngai Giáo Tông, 3 ngai Chưởng pháp và 3 ngai Đầu Sư).

Vì thế họ bị trục xuất ra khỏi Tòa Thánh. Họ tức lý làm những điều xằng bậy mang tai tiếng, nhất là đối với Chính quyền Pháp. Thật ra là một nhóm người làm loạn chớ không hội đủ điều kiện thành một Chi phái trong Đại Đạo. Vì một Chi phái phải có Chức sắc, Thánh Thất, hành Đạo và truyền Đạo.

10)- Chiếu Minh: Do Ông Ngô Văn Chiêu, sau khi tách rời khỏi cơ Phổ độ về lập ở Cần Thơ. Sau gọi là Chiếu Minh Vô vi vì chủ trương tu Đơn và phân thành Chiếu Minh Long Châu, Cao Đài Thượng Đế Hội Giáo hay là Chiếu Minh Đàn.

11)- Cầu Kho: Thành lập năm 1930 đặt tại Thánh Thất Cầu Kho (Sài Gòn)

nhà Ông Đoàn Văn Bản (Nay đổi tên là Nam Thành Thánh Thất, đường Nguyễn Cư Trinh, Sài Gòn). Đây là trung tâm tu học, thuyết pháp, ra sách, báo chí, phổ độ nhơn sanh.

Lãnh đạo phái này có quý Ông Đoàn Văn Bản, Vương Quan Kỳ, Võ Văn Tường, Trần Quang Minh, Huỳnh Trung Tuất, Nguyễn Phát Trước (Tự Tư Mặc). Sau, thêm quý Ông Lương Văn Bồi, Phan Trường Mạnh, Trần Văn Quế, Nguyễn Văn Phùng.

Một số quý vị Thời Quân Hiệp Thiên Đài Toà Thánh Tây Ninh cũng có đến đây hội đàm Đạo sự như Nguyễn Bảo Pháp, Lê Bảo Thế

12)- Cơ Quan Truyền Giáo Trung Việt: Là biến thể phái Tiên Thiên tại vùng Đà Nẵng, Thánh Thất Trung Thành đặt ngoài vùng ngoại ô thị xã này.

Sau khi Hiệp Định Genève (1954), chư tín hữu các nơi họp lại quyết định đưa Cơ Quan Truyền Giáo lên hàng Hội Thánh. Năm 1956, sau khi xây cất xong Trung Hưng Bửu Tòa, Hội Thánh Truyền Giáo tổ chức khánh thành có nhiều Chi phái đến dự.

***CHÚ THÍCH:** Số Thánh Thất tự trị lập nên nhiều, lắm nơi lớn mạnh. Trong khi (12) Chi Phái vừa kể có một số không còn dấu vết gì.

Các Phái đáng kể ngoài (12) Phái trên là:

1)- Bạch Y Chơn Lý: Do quý Ông Nguyễn Văn Tông, Tô Bửu Tài lập thành Thánh Thất tại Mông Thọ (Kiên Giang) gọi là Hội Thánh Bạch Y chuyên lo phổ độ chúng sanh, củng cố nội bộ theo Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, nhưng chỉ vận toàn đồ trắng.

2)- Tam Kỳ Nguyên Bản: Lập nên do Ngũ vị Thiên Sư của phái Minh Chơn Lý tách ra do nhóm quý Ông Nguyễn Văn Kiên, Nguyễn Văn Phấn và nhiều vị nữa.

Phái này đã đi đến chỗ siêu hình, siêu tượng về cách thờ phượng, trên Thiên Bàn không có hình tượng dấu hiệu gì cả.

Thánh Thất đặt tại Tiên An với lối kiến trúc đặc biệt, số tín đồ ít.

3)- Toà Thánh Nhị Giang: Đặt tại Châu Đốc (An Giang) Toà Thánh này thi hành theo Tân luật và Pháp Chánh Truyền cũng có Hội Thánh lưỡng Đài.

4)- Toà Thánh Tiên Giang: Đặt tại Thánh Tịnh Minh Kiến Đài thuộc làng Hạnh Thông Tây quận Gò Vấp (Gia Định).

II- VIỆC HIỆP NHẤT CÁC CHI PHÁI.

Vào khoảng 1945-1946, quý Ông Nguyễn Hữu Đắc, Lê Kim Tỵ lập Cơ quan “**Cao Đài Hiệp Nhất**” để qui hiệp các Chi Phái. Sau Cựu Quốc trưởng Phan Khắc Sửu lập “**Cao Đài Thống Nhất**” cũng để qui tụ các Chi Phái, nhưng vẫn không thành.

Vào ngày 15 tháng 6 năm Giáp Thìn (1964) một phiên nhóm của các Đại diện Hội Thánh các Chi Phái Đạo Cao Đài tại Tam Giáo điện Minh Tân (Sài gòn) gồm có Đại diện (07) Hội Thánh và Đại diện (09) cơ quan Đạo, mục đích tìm phương pháp qui hiệp thống nhất các Chi phái Cao Đài về Toà Thánh Tây Ninh. **Toàn hội giao cho ông Phan Khắc Sửu** chủ tọa phiên họp.

Toàn Hội quyết định thành lập Ban Vận Động lấy hiệu là “**Tổng Hợp Chi Phái Cao Đài**” tạm thời uỷ quyền cho ông Trần Văn Quế lãnh tiếp xúc với các Hội Thánh.

Đại hội “**Tổng Hợp Chi Phái Cao Đài**” họp ngày 23-8-1964 (16-7-Giáp Thìn) tại Thánh Thất Nam Thành gồm có (07) đại diện Hội Thánh. Sau khi bàn giải, thành lập Ban Chấp Hành lâm thời với danh hiệu “**Ban Vận động Tổng Hợp Chi Phái Cao Đài**”.

Vị Tổng Thư Ký là Ông Trần Văn Quế (1) đại diện Hội Thánh Truyền Giáo

Những chức vụ khác chia cho các Chi Phái sau đây: Hội Thánh Nhị Giang, Toà Thánh Tây Ninh, Bạch Y Liên Đoàn, Cộng Đồng Hội Giáo

Về sau, Ông Trần Văn Quế có hướng dẫn phái đoàn về Toà Thánh Tây Ninh để thống nhất nhưng bất thành vì còn ý kiến dị đồng.

Việc phân chia Chi Phái có cái lợi là chia vùng ảnh hưởng để phổ biến Đạo Trời, dựa vào xu hướng và trình độ của nhân sanh mà giáo hoá. Đó là nguyên tắc hóa dân từ xưa của chư Tiên Phật.

Trong hoàn cảnh chiến tranh lệ thuộc, sự phân chia khiến cho nhà cầm quyền bớt dòm ngó, không làm hại các bậc chân tu. Nhiều Chi phái bày trò âm thịnh sắc tướng, nhà Cầm quyền cho đó là các trò hí cuộc không đáng quan tâm.

Vì không tập hợp nên Chính Phủ có đóng Chi này thì Chi kia vẫn sống mà phổ thông Giáo lý giúp cho ngọn cờ cứu khổ của Cao Đài Giáo lúc nào cũng bay phất phới.

Nhưng việc phân chia cũng là một mối tai hại vì “**Chung nhau thì giàu mà chia nhau thì khó**”

Một Chi không làm nên việc vĩ đại chưa kể đến mỗi Phái hành Đạo một cách khác làm cho người đời đàm tiếu.

(1) Ông Trần Văn Quế thọ phẩm Giáo Sư tại Toà Thánh, có chân trong Khảo Cứu Vụ (1948).

(HT. Mai văn Tim)

CHẤM DỨT PHẦN III ĐẠO SỬ

KẾT THÚC CHƯƠNG TRÌNH GIÁO LÝ Pho Thong